

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

**MÔN THI: ĐỊA LÍ**

**Thời gian làm bài thi: 180 phút**

**Ngày thi: 19/12/2023**

(Đề thi có: 02 trang)

**Câu I. (4,0 điểm).** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên nước ta.
2. Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc. Giải thích tại sao mùa đông của vùng núi Đông Bắc lạnh, kéo dài nhất cả nước?

**Câu II. (4,0 điểm).** Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Trình bày và giải thích các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần sông ngòi nước ta. Tại sao lưu lượng nước trung bình của sông Mê Công (Trạm Mỹ Thuận trên sông Tiền và trạm Cần Thơ trên sông Hậu) có sự phân hóa theo mùa sâu sắc?
2. Trình bày đặc điểm của đai ôn đới gió mùa trên núi. Tại sao đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Bắc mà không có ở miền Nam nước ta?

**Câu III. (4,0 điểm)**

1. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích chế độ nhiệt của Huế.
2. Nêu nguyên nhân và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao các thung lũng sông suối và vùng trũng đồng bằng ven biển miền Trung chịu ngập lụt nghiêm trọng vào tháng IX - X?

**Câu IV. (4,0 điểm)**

1. Cho bảng số liệu:

**TỈ LỆ LAO ĐỘNG ĐÃ QUA ĐÀO TẠO PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA  
NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

Đơn vị: %

Năm	2010	2015	2018	2021
Nam	16,9	23,6	25,4	30,0
Nữ	13,9	20,1	21,8	26,6

(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)

Rút ra nhận xét và giải thích về sự thay đổi tỉ lệ lao động đã qua đào tạo phân theo giới tính của nước ta giai đoạn trên.

2. Trình bày đặc điểm nguồn lao động nước ta. Tại sao hiện nay vấn đề định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông được quan tâm hàng đầu?

**Câu V. (4,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA,  
GIAI ĐOẠN 2000 – 2021**

Năm	2000	2005	2015	2021
<b>Diện tích</b> (Nghìn ha)	7654,0	7329,0	7400,5	7238,9
<b>Sản lượng</b> (Nghìn tấn)	32530,0	35833,0	43707,0	43852,6

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)*

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm của nước ta giai đoạn trên.
2. Qua biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét và giải thích cần thiết.

----- **HẾT** -----

Họ và tên thí sinh:.....

Chữ kí giám thị số 1:.....

Số báo danh:.....

- Thí sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* (NXB Giáo dục Việt Nam).
- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
**MÔN THI: ĐỊA LÍ**  
**(Hướng dẫn chấm có: 05 trang)**

**A. Hướng dẫn chung**

- Cán bộ chấm thi chấm đúng theo Hướng dẫn chấm của Sở GD&ĐT.
- Hướng dẫn chấm được biên soạn có phần theo hướng “mở”, vì thế trong quá trình chấm, cán bộ chấm thi cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu cơ bản như Hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm theo hướng dẫn quy định.
- Việc chấm chi tiết hóa số điểm (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với Hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

**B. Đáp án và thang điểm**

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I 4,00	1	<b>Trình bày ý nghĩa của vị trí địa lí đối với tự nhiên nước ta</b>	<b>2,00</b>
		- Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa: nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng, ảnh hưởng của gió Mậu dịch và gió mùa nên khí hậu có sự phân mùa, mưa nhiều;	0,50
		- Vừa tiếp giáp lục địa, vừa tiếp giáp đại dương, nằm liền kề vành đai sinh khoáng, trên đường di lưu và di cư của nhiều loài sinh vật nên có nguồn tài nguyên khoáng sản và sinh vật vô cùng phong phú;	0,50
		- Vị trí và hình thể nước ta đã tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên: giữa miền Bắc với miền Nam, giữa miền núi và đồng bằng, ven biển và hải đảo, hình thành các vùng tự nhiên khác nhau;	0,50
	- Vị trí nước ta nằm trong vùng chịu nhiều thiên tai: bão, lũ lụt, hạn hán...	0,50	
	2	<b>Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc. Giải thích tại sao mùa đông của vùng núi Đông Bắc lạnh, kéo dài nhất cả nước?</b>	<b>2,00</b>
	a	<b>Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc</b>	<b>1,50</b>
	- Phạm vi: Nằm ở tả ngạn sông Hồng;	0,25	
	- Hướng núi: vòng cung với 4 cánh cung lớn ( <i>Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều</i> ) chụm đầu ở Tam Đảo, mở về phía bắc và phía đông;	0,50	
	- Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích, theo hướng các dãy núi là các thung lũng sông;	0,25	
- Hướng nghiêng thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Các đỉnh núi cao trên 2000m ở thượng nguồn sông Chảy, giáp biên giới Việt-Trung là các khối núi đá vôi, ở giữa là đồi núi thấp.	0,50		
b	<b>Giải thích tại sao mùa đông của vùng núi Đông Bắc lạnh, kéo dài nhất cả nước?</b>	<b>0,50</b>	
- Các cánh cung mở rộng về phía bắc và đông chụm đầu về Tam Đảo tạo thành các lòng máng hút gió mùa đông bắc, làm cho các đợt gió lạnh tràn	0,25		

		<p>lạnh giá;</p> <p>- Vùng núi Đông Bắc là nơi tiếp xúc trực tiếp của các đợt gió mùa mùa đông, chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc.</p>	0,25
<b>II</b> 4,00	<b>1</b>	<b>Trình bày và giải thích các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần sông ngòi nước ta. Tại sao lưu lượng nước trung bình của sông Mê Công (Trạm Mỹ Thuận trên sông Tiền và trạm Cần Thơ trên sông Hậu) có sự phân hóa theo mùa sâu sắc?</b>	<b>2,00</b>
	<b>a</b>	<b>Trình bày và giải thích các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần sông ngòi nước ta</b>	<b>2.00</b>
		- Mạng lưới sông ngòi dày đặc: + Cả nước có 2360 con sông dài trên 10km, dọc bờ biển cứ 20km có 1 cửa sông;	0,25
		+ Do địa hình cắt xẻ mạnh, mưa nhiều → tạo ra nhiều dòng chảy.	0,25
		- Sông ngòi nhiều nước: + Tổng lượng nước trên 800 tỉ m <sup>3</sup> ;	0,25
		+ Do mưa nhiều, lượng nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.	0,25
		- Nhiều phù sa: + Tổng lượng phù sa là 200 triệu tấn;	0,25
		+ Do hệ quả của quá trình xâm thực ở vùng đồi núi (nhiệt độ cao, đồi núi dốc, mưa lớn, mất lớp phủ thực vật).	0,25
		- Chế độ nước theo mùa: + Nhịp điệu dòng chảy của sông ngòi nước ta theo sát nhịp điệu mùa, mùa lũ trùng với mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô;	0,25
		+ Chế độ mưa thất thường làm cho chế độ dòng chảy của sông ngòi thất thường.	0,25
<b>b</b>	<b>Tại sao lưu lượng nước trung bình của sông Mê Công (Trạm Mỹ Thuận trên sông Tiền và trạm Cần Thơ trên sông Hậu) có sự phân hóa theo mùa sâu sắc?</b>	<b>0,50</b>	
	- Lưu vực sông Mê Công nằm trong vùng chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có hai mùa mưa và khô rõ rệt; - Do chế độ dòng chảy của sông Mê Công phụ thuộc vào chế độ mưa, có sự phân hóa theo mùa của khí hậu nên lưu lượng nước của sông có sự phân hóa sâu sắc.	0,25 0,25	
	<b>2</b>	<b>Trình bày đặc điểm của đai ôn đới gió mùa trên núi. Tại sao đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Bắc mà không có ở miền Nam nước ta?</b>	<b>1,50</b>
	<b>a</b>	<b>Trình bày đặc điểm của đai ôn đới gió mùa trên núi</b>	<b>1,00</b>
		- Độ cao: từ 2600m trở lên (chỉ có ở Hoàng Liên Sơn);	0,25
		- Khí hậu: Tính chất ôn đới, quanh năm nhiệt độ thấp dưới 15 <sup>0</sup> C, mùa đông dưới 5 <sup>0</sup> C;	0,25
		- Đất: Đất mùn thô;	0,25
		- Sinh vật: Các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam.	0,25
<b>b</b>	<b>Tại sao đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Bắc mà không có ở miền Nam nước ta?</b>	<b>0,50</b>	

		Địa hình: Ở miền Bắc có núi cao trên 2600m (Hoàng Liên Sơn), nhiệt độ có sự thay đổi theo độ cao nên xuất hiện đai ôn đới gió mùa trên núi; - Ở miền Nam không có địa hình núi cao trên 2600m.	0,25 0,25
III 4,00	1	<b>Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy nhận xét và giải thích chế độ nhiệt của Huế</b>	<b>2,00</b>
	a	<b>Nhận xét</b>	<b>1,25</b>
		- Huế thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ, thuộc miền khí hậu phía Bắc;	0,25
		- Nhiệt độ trung bình năm cao, khoảng trên 24°C;	0,25
		- Nhiệt độ trung bình tháng I ( <i>tháng thấp nhất</i> ) khoảng 18 – 20°C;	0,25
		- Nhiệt độ trung bình tháng VII ( <i>tháng cao nhất</i> ) khoảng trên 28°C;	0,25
		- Biên độ nhiệt độ năm cao, khoảng từ 8 – 10°C.	0,25
	b	<b>Giải thích</b>	<b>0,75</b>
	- Nhiệt độ trung bình năm cao do nằm trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu ( <i>vùng nhiệt đới Bắc bán cầu</i> ), tác động của gió mùa mùa đông suy yếu;	0,25	
	- Huế có nhiệt độ trung bình tháng I thấp do chịu tác động của gió mùa mùa đông nên nền nhiệt độ hạ thấp;	0,25	
	- Nhiệt độ trung bình tháng VII cao do chịu tác động của hiệu ứng phon khô nóng, gần với thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh tại Huế.	0,25	
	2	<b>Nêu nguyên nhân và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta. Tại sao các thung lũng sông suối và vùng trũng đồng bằng ven biển miền Trung chịu ngập lụt nghiêm trọng vào tháng IX - X?</b>	<b>2,00</b>
	a	<b>Nêu nguyên nhân và biện pháp phòng chống ngập lụt ở nước ta</b>	<b>1,25</b>
		- Nguyên nhân: + Đồng bằng sông Hồng: Do diện mưa bão rộng, lũ tập trung, mặt đất thấp, có đê sông, đê biển bao bọc, mật độ xây dựng cao;	0,25
		+ Đồng bằng sông Cửu Long: mưa lớn và triều cường;	0,25
		+ Vùng trũng Bắc Trung Bộ và hạ lưu sông ở Nam Trung Bộ: mưa bão lớn, nước biển dâng, lũ nguồn về;	0,25
		- Biện pháp: + Xây dựng các công trình thoát lũ và ngăn thủy triều;	0,25
		+ Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, đọc các lưu vực sông suối.	0,25
	b	<b>Tại sao các thung lũng sông suối và vùng trũng đồng bằng ven biển miền Trung chịu ngập lụt nghiêm trọng vào tháng IX - X?</b>	<b>0,75</b>
		- Địa hình hẹp ngang, nghiêng theo hướng tây bắc đông nam;	0,25
		- Bão, áp thấp nhiệt đới, dải hội tụ nhiệt đới hoạt động mạnh ở vùng này vào tháng IX – X gây ra mưa lớn;	0,25
		- Ngoài ra còn do nước biển dâng và lũ nguồn về.	0,25
IV 4,00	1	<b>Rút ra nhận xét và giải thích về sự thay đổi tỉ lệ lao động đã qua đào tạo phân theo giới tính của nước ta giai đoạn trên</b>	<b>2,00</b>
	a	<b>Nhận xét</b>	<b>1,00</b>
		- Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 2010 – 2021 tăng liên tục. + Tỉ lệ lao động nam tăng ( <i>dẫn chứng</i> );	0,25 0,25

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ lao động nam luôn cao hơn và tăng nhiều hơn tỷ lệ lao động nữ (<i>dẫn chứng</i>).</li> <li>- Tỷ lệ lao động nữ tăng nhanh hơn nam (<i>dẫn chứng</i>)</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Thí sinh nhận xét được 1 trong 2 cách của ý số 3 và 4 đều chấm điểm</p>	0,25										
<b>b</b>	<b>Giải thích</b>	<b>1,00</b>										
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo;</li> <li>- Nền kinh tế ngày càng phát triển, chất lượng cuộc sống tăng;</li> <li>- Chính sách mở cửa hội nhập đòi hỏi nguồn lao động có trình độ, có tay nghề;</li> <li>- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của nam luôn cao hơn và tăng nhiều hơn lao động nữ, do: nhu cầu nghề nghiệp và tâm lý xã hội.</li> <li>- Tỷ lệ lao động nữ tăng nhanh hơn nam, do: nhận thức của người dân, bình đẳng giới, tâm lý xã hội nhiều tiến bộ.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Thí sinh giải thích được 1 trong 2 ý số 3 hoặc 4 đều chấm điểm.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25										
<b>2</b>	<b>Trình bày đặc điểm nguồn lao động nước ta. Tại sao hiện nay vấn đề định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông được quan tâm hàng đầu?</b>	<b>2,00</b>										
<b>a</b>	<b>Trình bày đặc điểm nguồn lao động nước ta</b>	<b>1,25</b>										
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn lao động dồi dào, chiếm hơn 51% dân số (2005);</li> <li>- Lao động tăng nhanh: trung bình mỗi năm tăng 1 triệu lao động;</li> <li>- Người lao động cần cù, sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất;</li> <li>- Chất lượng lao động ngày càng tăng lên;</li> <li>- Hạn chế: Thiếu tác phong công nghiệp, kỉ luật lao động, thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao, phân bố chưa hợp lí.</li> </ul>	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25										
<b>b</b>	<b>Tại sao hiện nay vấn đề định hướng nghề nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông được quan tâm hàng đầu?</b>	<b>0,75</b>										
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiện nay, tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm diễn ra gay gắt;</li> <li>- Do cơ cấu ngành nghề và đào tạo chưa hợp lí, nền kinh tế còn chậm phát triển nên chưa giải quyết hết việc làm cho số lao động tăng thêm;</li> <li>- Định hướng nghề nghiệp ở trường phổ thông quan trọng để giúp học sinh lựa chọn được các ngành nghề phù hợp với năng lực bản thân và đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội.</li> </ul>	0,25 0,25 0,25										
<b>V</b>	<b>Cho bảng số liệu</b>	<b>4,00</b>										
<b>4,00</b>	<b>1</b>	<b>2,50</b>										
	<b>Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích, sản lượng và năng suất lúa cả năm của nước ta giai đoạn trên</b>	<b>2,50</b>										
<b>a</b>	<b>Xử lí số liệu</b>	<b>0,75</b>										
	<p style="text-align: center;"><b>NĂNG SUẤT LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021 (Đơn vị: Tạ/ha)</b></p> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2000</th> <th>2005</th> <th>2015</th> <th>2021</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng suất</td> <td>42,50</td> <td>48,89</td> <td>59,05</td> <td>60,58</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>Ghi chú:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị tạ/ha hoặc tấn/ha;</li> <li>- Nếu thí sinh ghi sai đơn vị: không chấm điểm;</li> <li>- Nếu thí sinh không ghi đơn vị vẫn chấm điểm.</li> </ul>	Năm	2000	2005	2015	2021	Năng suất	42,50	48,89	59,05	60,58	0,25
Năm	2000	2005	2015	2021								
Năng suất	42,50	48,89	59,05	60,58								

SUẤT LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021

(Đơn vị: %)

Năm	2000	2005	2015	2021
Diện tích	100,0	95,8	96,6	94,6
Sản lượng	100,0	110,2	134,4	134,8
Năng suất	100,0	115,0	138,9	142,5

0,50

**Ghi chú:**

- Thiếu đơn vị: chấm ½ số điểm;
- Nếu thí sinh ghi sai đơn vị: không chấm điểm.

<b>b</b>	<b>Biểu đồ</b>	<b>1,75</b>
	<p><b>Ghi chú:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạng biểu đồ đúng: <b>biểu đồ đường</b> thể hiện tốc độ tăng trưởng;</li> <li>- Thí sinh vẽ dạng biểu đồ khác <b>không</b> chấm điểm;</li> <li>- Nếu không đảm bảo tính thẩm mỹ <b>trừ 0,25đ</b>, không đảm bảo tính khoa học <b>trừ 0.50đ</b>;</li> <li>- Đảm bảo đầy đủ các yếu tố (thiếu một yếu tố <b>trừ 0,25đ</b>);</li> <li>- Sai trục tung <b>trừ 1,00đ</b>;</li> <li>- Sai trục hoành (khoảng cách năm) <b>trừ 0,25đ</b>;</li> <li>- Trường hợp thí sinh vẽ được, đúng 2/3 đường (đầy đủ các yếu tố khác) <b>chấm 1,25đ</b>, vẽ được 1 đường (đầy đủ các yếu tố khác) <b>chấm 0,75đ</b>.</li> </ul>	<b>1,75</b>
<b>2</b>	<b>Qua biểu đồ đã vẽ rút ra nhận xét và giải thích cần thiết</b>	<b>1,50</b>
<b>a</b>	<b>Nhận xét</b>	<b>1,00</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 2015 – 2021 tốc độ tăng trưởng của diện tích, sản lượng và năng suất lúa của nước ta có sự biến động.</li> <li>+ Diện tích giảm (dẫn chứng);</li> <li>+ Năng suất tăng liên tục (dẫn chứng);</li> <li>+ Sản lượng tăng liên tục (dẫn chứng).</li> <li>- Năng suất lúa tăng nhanh hơn so với sản lượng.</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b> Nếu thí sinh không vẽ biểu đồ hoặc vẽ sai dạng biểu đồ mà nhận xét: <b>không chấm điểm</b>.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>b</b>	<b>Giải thích</b>	<b>0,50</b>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích lúa giảm do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và chuyển đổi cơ cấu cây trồng;</li> <li>- Năng suất tăng do sử dụng đại trà giống lúa mới, đẩy mạnh thâm canh, làm tốt công tác thủy lợi... nên sản lượng tăng.</li> </ul> <p><b>Ghi chú:</b> Nếu thí sinh không vẽ biểu đồ hoặc sai dạng biểu đồ mà giải thích: <b>không chấm điểm</b></p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
<b>TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI: Câu I + II + III + IV + V</b>		<b>20,00</b>

----- HẾT -----